

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/11/2021

“V/v ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Lê Văn Lộc.

2- Bà Trần Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 85/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1998 (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Danh Duy C, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn Danh Duy C: Bà Võ Thị Phương Thảo, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Danh Duy C tự nguyện về chung sống với vào năm 2016, không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Đến ngày 16/10/2019 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái,

huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C thiếu trách nhiệm với vợ con và còn thường xuyên uống rượu say về hành hung, đánh đập chị, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C vẫn không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 12/2017 cho đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 người con tên Danh Duy T, sinh ngày 04/8/2017, từ khi ly thân cho đến nay anh C nuôi dưỡng, chăm sóc cháu. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Danh Duy C Tòa án đã tổng đạt hợp lệ gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Cảnh vẫn vắng mặt không có lý do.

Tuy nhiên, anh C có đơn trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn theo với chị Nguyễn Thị N.

Về con chung: Anh không đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay anh là người nuôi con, hiện nay con anh ổn định và bản thân anh có việc làm ổn định nên có điều kiện để nuôi con. Vì vậy, anh yêu cầu được nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị thừa nhận hiện nay chị chưa có công việc làm ổn định nhưng chị sẽ đảm bảo nuôi, dạy con sau này tốt hơn còn trong thời gian qua chị ít tới lui thăm con là do anh C ngăn cản nên chị không đến gặp con. Nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, còn tài sản và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Người bảo vệ quyền lợi ích cho nguyên đơn anh Danh Duy C trình bày quan điểm:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng, xử giao con Danh Duy T cho anh Danh Duy C nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Bởi vì, từ khi ly thân đến nay anh C là người nuôi dưỡng cháu, cuộc sống của cháu ổn định bản thân anh C có điều kiện để nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C.

Về con chung: Xử giao cháu Danh Duy T, sinh ngày 04/8/2017 cho anh Danh Duy C chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con và bị đơn trong vụ án có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Danh Duy C được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, anh C đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C về chung sống vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân của chị N và anh C là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cự cãi và xung đột với nhau nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2016 cho đến nay, trong thời gian qua gia đình hai bên và anh chị cũng không gặp nhau để tự hòa giải được.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C đã tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C có 01 người con tên Danh Duy T, sinh ngày 04/8/2017. Chị N và anh C đều yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, yêu cầu của chị N là không có cơ sở. Bởi vì, từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay cháu T sống với anh C, cuộc sống của cháu vẫn ổn định, bản thân anh C cũng có việc làm ổn định và có điều kiện để nuôi con, hơn nữa đến nay cháu T cũng trên 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị N về việc yêu cầu xin được nuôi con.

Từ đó, xử giao cháu Danh Duy T cho anh Danh Duy C chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng chị N được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của Trợ giúp viên và đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, như đã nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C.

2. Về con chung: Xử giao cháu Danh Duy T, sinh ngày 04/8/2017 cho anh Danh Duy C chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị N và anh C có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Danh Duy C thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0007312 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Bảo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị N có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/11/2021). Đối với anh C vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Nam Thái;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm

